

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠNG GIANG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42 /2022/ HNGĐ-ST

Ngày: 20/6/2022

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân - Gia đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn La, bà Ngô Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang: không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/5/2022 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXX- ST ngày 07 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**\*Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị Thu H, sinh năm 1989 (Xin vắng mặt)

ĐKHKT: Thôn D, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Giang.

**\*Bị đơn:** Anh Phạm Thanh V, sinh năm 1981 (Xin Vắng mặt)

ĐKHKT: Thôn M, xã Nh, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú hiện nay: Thôn D 2, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Đặng Thị Thu Hằng trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Thanh V có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 30/8/2016 tại UBND T, huyện C, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới vợ chồng có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, được khoảng hơn 01 năm thì chị đi làm ăn xa và

anh V cũng đi làm, vợ chồng ít quan tâm đến nhau. Đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có thời gian dành cho nhau. Hiện nay, vợ chồng đã ly thân, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chi đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* **Bị đơn anh Phạm Thanh V trình bày:** Anh và chị H có đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn thì chúng tôi chung sống ở nhiều nơi. Sau khi cưới được khoảng 01 năm thì vợ chồng đi làm mỗi người một nơi. Đến năm 2019 thì vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng đi làm xa ít có thời gian quan tâm đến nhau. Hiện nay vợ chồng đã ly thân. Nay xác định vợ chồng không thể đoàn tụ, chị Hằng làm đơn xin ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay chị Hằng, anh V xin vắng mặt tại phiên tòa và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận, nghị án Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đơn khởi kiện của chị Đặng Thị Thu H cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Anh V có hộ khẩu thường trú tại xã Nh, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và anh V có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện C thụ lý và giải quyết việc ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 26; Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng; trong quá trình giải quyết vụ án chị H, anh V có đơn xin xét xử vắng mặt. Vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh V theo quy định tại điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Thu H và anh Phạm Thanh V đã đăng ký kết hôn vào ngày 30/8/2016 tại UBND T, huyện C, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Hằng, anh V là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân thì thấy: Lời khai của chị H trình bày vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân, không còn tình cảm gì với nhau là phù hợp với lời khai của anh V, chị H có đơn xin ly hôn, anh V đồng ý ly hôn với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian sống chung vợ chồng chị H, anh V không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân, việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần cho chị Đặng Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Thanh V.

[5]. Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản chung và công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Đặng Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Thanh V.

[2]. Về án phí: Chị Đặng Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012867 ngày 16/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo: Chị H , anh V vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thu Hà**



